

Văn phòng Sở (Cơng); Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 1546/KH-UBND

Lai Châu, ngày 04 tháng 10 năm 2018

KẾ HOẠCH

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH LAI CHÂU
Kiểm tra hoạt động xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2018

ĐẾN Số: 2190
Ngày: 8/10/18

Chuyên: Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước; Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHHCN ngày 10/10/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

UBND tỉnh Lai Châu ban hành Kế hoạch kiểm tra hoạt động xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2018, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đánh giá tình hình xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại các cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

- Gắn việc áp dụng HTQLCL với cải cách hành chính, đặc biệt là theo cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Thông qua việc kiểm tra thu thập những đề xuất, kiến nghị, hạn chế, thiếu sót trong quá trình triển khai thực hiện để đề xuất các giải pháp, phương thức hoạt động có hiệu quả hơn trong thời gian tới.

2. Yêu cầu

- Cơ quan, đơn vị xây dựng báo cáo kiểm tra đảm bảo trung thực, phản ánh đúng tình hình thực hiện HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2008 của cơ quan, đơn vị.

- Kiểm tra phải đánh giá đúng, khách quan, trung thực về tình hình, kết quả hoạt động xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL tại các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh.

- Các cơ quan, đơn vị được kiểm tra cử đại diện lãnh đạo, công chức, viên chức có trách nhiệm phối hợp cung cấp tài liệu cho Đoàn kiểm tra.

II. ĐỐI TƯỢNG, THÀNH PHẦN ĐOÀN KIỂM TRA, PHƯƠNG THỨC, THỜI GIAN KIỂM TRA

1. Đối tượng kiểm tra

Bao gồm 144 cơ quan, đơn vị đã triển khai áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2008 trên địa bàn tỉnh, trong đó:

- Kiểm tra trực tiếp tại trụ sở cơ quan: 42 cơ quan, đơn vị.

(Danh sách các cơ quan tại phụ lục I kèm theo)

- Kiểm tra qua báo cáo tự kiểm tra: 102 cơ quan, đơn vị không được kiểm tra tại trụ sở cơ quan.

2. Thành phần Đoàn kiểm tra

Thành phần Đoàn kiểm tra hoạt động xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 của tỉnh, gồm:

- Đại diện Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ - Lâm Trường đoàn;
- Đại diện lãnh đạo, công chức của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: Tham gia thành viên.
- Đại diện Lãnh đạo phòng chuyên môn của Sở Nội vụ: Tham gia thành viên.

3. Phương thức kiểm tra

3.1. Kiểm tra tại trụ sở cơ quan

- Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra trực tiếp tại trụ sở cơ quan chịu sự kiểm tra về tình hình xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo các nội dung tại Phần II qua báo cáo, hồ sơ và quan sát các hoạt động thực tế.

- Cơ quan chịu sự kiểm tra có trách nhiệm giải trình về vấn đề có liên quan đến nội dung kiểm tra; cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của đoàn kiểm tra và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của thông tin, tài liệu đã cung cấp.

3.2. Kiểm tra qua báo cáo tự kiểm tra

- Các cơ quan, đơn vị tổ chức kiểm tra và báo cáo tình hình thực hiện việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo các nội dung tại Phần II nêu trên và kèm theo các tài liệu, bằng chứng liên quan (theo phụ lục II đính kèm) gửi Sở Khoa học và Công nghệ (qua Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng) trước ngày 05/11/2018 để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

- Căn cứ báo cáo tình hình thực hiện, các tài liệu, bằng chứng liên quan Sở Khoa học và Công nghệ đánh giá kết quả thực hiện của các cơ quan, đơn vị báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện hoặc khắc phục các nội dung chưa đáp ứng yêu cầu (nếu có).

4. Thời gian kiểm tra

- Tiến hành kiểm tra từ tháng 10 đến tháng 11/2018 (Thời gian kiểm tra cụ thể Sở Khoa học và Công nghệ sẽ có thông báo gửi đến các cơ quan, đơn vị).

III. NỘI DUNG

1. Kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008

- Phạm vi áp dụng bao gồm toàn bộ hoạt động liên quan đến thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan;

- Hoạt động phổ biến, hướng dẫn áp dụng hệ thống tài liệu, quy trình giải quyết công việc cho toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức trong phạm vi xây dựng và áp dụng HTQLCL;

- Sự tuân thủ của cơ quan đối với tất cả các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008, chính sách, mục tiêu, quy trình, thủ tục, các quy định có liên quan khác và các yêu cầu pháp luật liên quan;

- Việc thực hiện các quá trình giải quyết công việc và các quá trình được xác định trong HTQLCL;

- Hoạt động xem xét của Lãnh đạo và hoạt động đánh giá nội bộ, thực hiện hành động khắc phục các điểm không phù hợp (đối với những lần kiểm tra trước đó);

- Hoạt động xử lý các khiếu nại liên quan đến lĩnh vực áp dụng HTQLCL (nếu có);

- Hoạt động cải tiến trong HTQLCL.

2. Kiểm tra việc tuân thủ theo các quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg

- Việc bảo đảm sự tham gia của Lãnh đạo, các đơn vị và cá nhân có liên quan trong quá trình xây dựng và áp dụng HTQLCL;

- Việc người đứng đầu cơ quan xác nhận hiệu lực của HTQLCL;

- Việc công bố HTQLCL phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 và thông báo bằng văn bản đến đơn vị chủ trì để theo dõi, tổng hợp; niêm yết tại trụ sở cơ quan và đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan (nếu có);

- Việc cập nhật các thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào HTQLCL;

- Việc công bố lại khi có sự điều chỉnh, mở rộng, thu hẹp phạm vi áp dụng HTQLCL;

IV. KINH PHÍ

Kinh phí kiểm tra được sử dụng từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn thuộc đối tượng kiểm tra

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Kế hoạch này.

- Các cơ quan, đơn vị được kiểm tra (nêu tại Mục 1 Phần II) có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ báo cáo, tài liệu theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra; chuẩn bị các điều kiện cần thiết để phục vụ Đoàn kiểm tra.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, tổ chức triển khai nghiêm túc Kế hoạch này; báo cáo kết quả thực hiện với UBND tỉnh trước ngày 15/12/2018.

- Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Đoàn kiểm tra bao đảm đúng thành phần nêu tại Mục 2 Phần II của Kế hoạch.

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị xây dựng báo cáo tự kiểm tra tình hình thực hiện việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL.

3. Các đơn vị chịu sự kiểm tra

- Các cơ quan, đơn vị (144 cơ quan có danh sách kèm theo - Phụ lục I) xây dựng báo cáo theo đề cương (phụ lục III đính kèm), gửi báo cáo về Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng - Sở Khoa học và Công nghệ.

- Chuẩn bị các điều kiện hỗ trợ và phối hợp với Đoàn kiểm tra khi thực hiện kiểm tra tại đơn vị.

- Thành phần làm việc với Đoàn kiểm tra của các sở, ban, ngành gồm: Đại diện lãnh đạo sở, ban, ngành: đại diện lãnh đạo Văn phòng hoặc Phòng Tổ chức Hành chính; đại diện lãnh đạo các phòng, ban, chuyên môn liên quan; công chức thực hiện nhiệm vụ thư ký Ban Chỉ đạo ISO của cơ quan, đơn vị.

- Thành phần làm việc với Đoàn kiểm tra của các huyện, thành phố gồm: Đại diện lãnh đạo UBND, đại diện lãnh đạo Văn phòng HĐND và UBND, đại diện lãnh đạo Phòng Nội vụ, phòng Kinh tế Hạ tầng và các phòng chuyên môn liên quan; công chức thực hiện nhiệm vụ thư ký BCĐ ISO của đơn vị.

- Thành phần làm việc với Đoàn kiểm tra của UBND cấp xã gồm: Đại diện lãnh đạo UBND, công chức trực tiếp làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

Căn cứ nội dung Kế hoạch này, UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Tổng cục TCĐLCL;
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh (đ/c Hải);
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT, VX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Tổng Thanh Hải

Phụ lục I
DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ KIỂM TRA TẠI TRỤ SỞ (42)
 (Kèm Kế hoạch số 1546/KH-UBND ngày 04/10/2018)
 UBND tỉnh Lai Châu



TT	Tên cơ quan
A	CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ KIỂM TRA TẠI TRỤ SỞ (42)
I	Cơ quan cấp tỉnh: 07 cơ quan
1	Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lai Châu
2	Ban Dân tộc tỉnh Lai Châu
3	Sở Tài nguyên và Môi trường
4	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
5	Sở Xây dựng
6	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lai Châu
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư
II	Cơ quan cấp huyện, thành phố: 08 cơ quan
8	UBND thành phố Lai Châu
9	Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu
10	Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Lai Châu
11	Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội thành phố Lai Châu
12	UBND huyện Nậm Nhùn
13	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Nậm Nhùn
14	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nậm Nhùn
15	Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện Nậm Nhùn
IV	Cơ quan cấp xã: 27 cơ quan
16	UBND xã Tả Lèng, huyện Tam Đường
17	UBND xã Giang Ma, huyện Tam Đường
18	UBND xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường
19	UBND xã Bản Giang, huyện Tam Đường
20	UBND xã Khun Há, huyện Tam Đường

21	UBND xã Sùng Phái - huyện Tam Đường		
22	UBND xã Pắc Ta, huyện Tân Uyên		
23	UBND xã Trung Đông, huyện Tân Uyên		
24	UBND xã Nậm Cắn, huyện Tân Uyên		
25	UBND xã Hồ Mít, huyện Tân Uyên		
26	UBND xã Mường Khoa, huyện Tân Uyên		
27	UBND xã Nậm Tăm, huyện Sìn Hồ		
28	UBND xã Lũng Thàng, huyện Sìn Hồ		
29	UBND xã Pa Khóa, huyện Sìn Hồ		
30	UBND xã Nậm Cuối, huyện Sìn Hồ		
31	UBND thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn		
32	UBND xã Nậm Hàng, huyện Nậm Nhùn		
33	UBND xã Nậm Mạnh, huyện Nậm Nhùn		
34	UBND xã Lê Lợi, huyện Nậm Nhùn		
35	UBND xã Pú Dao, huyện Nậm Nhùn		
36	UBND phường Đông Phong, thành phố Lai Châu		
37	UBND phường Tân Phong, thành phố Lai Châu		
38	UBND phường Đoàn Kết, thành phố Lai Châu		
39	UBND phường Quyết Thắng, thành phố Lai Châu		
40	UBND phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu		
41	UBND xã Nậm Loỏng, thành phố Lai Châu		
42	UBND San Thàng, TP Lai Châu		
B	CÁC CƠ QUAN KIỂM TRA QUA BÁO CÁO TỰ KIỂM TRA (102)		
43	Văn phòng UBND tỉnh		
44	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		
45	Sở Nội vụ		
46	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn		

47	Sở Công Thương
48	Sở Y tế
49	Sở Giao thông Vận tải
50	Liên minh Hợp tác xã
51	Sở Khoa học và Công nghệ
52	Sở Tư pháp
53	Sở Tài chính
54	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh
55	Báo Lai Châu
56	Trường Cao đẳng Cộng đồng
57	Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng
58	Sở Ngoại vụ
59	Thanh tra tỉnh
60	Phòng Nội vụ thành phố Lai Châu
61	Chi cục Bảo vệ Tài nguyên môi trường
62	Chi cục Vệ sinh an toàn thực phẩm
63	Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình
64	Cục Quản lý thị trường tại Lai Châu
65	Chi cục Văn thư lưu trữ
66	Chi cục Thủy lợi
67	Chi cục Kiểm lâm
68	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
69	Chi cục Chăn nuôi và Thú y
70	Chi cục quản lý chất lượng Nông sản, Lâm sản và Thủy sản
71	Chi cục Phát triển nông thôn tỉnh Lai Châu

72	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh		
73	Bệnh viện Y học Cổ truyền		
74	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi		
75	Trường Trung cấp Y tế		
76	Trường Trung cấp nghề		
77	Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS		
78	Trung tâm Kiểm định và Phát triển KH-CN		
79	Trung tâm Khuyến nông		
80	Trung tâm Nước sạch và vệ sinh môi trường		
81	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước		
82	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại		
83	UBND huyện Tam Đường		
84	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tam Đường		
85	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tam Đường		
86	Phòng Lao động, Thương binh và XH huyện Tam Đường		
87	UBND huyện Tân Uyên		
88	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tân Uyên		
89	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tân Uyên		
90	Phòng Lao động, TB và Xã hội huyện Tân Uyên		
91	UBND huyện Than Uyên		
92	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Than Uyên		
93	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Than Uyên		
94	Phòng Lao động, TB và Xã hội huyện Than Uyên		
95	UBND huyện Phong Thổ		
96	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Phong Thổ		
97	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Phong Thổ		

98	Phòng Lao động, TB và Xã hội huyện Phong Thổ
99	UBND huyện Sin Hồ
100	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Sin Hồ
101	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Sin Hồ
102	Phòng Lao động, TB và Xã hội huyện Sin Hồ
103	Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện Sin Hồ
104	UBND huyện Mường Tè
105	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Mường Tè
106	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Mường Tè
107	Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện Mường Tè
108	Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện Mường Tè
109	UBND thị trấn Than Uyên - huyện Than Uyên
110	UBND xã Phúc Than - huyện Than Uyên
111	UBND thị trấn Tân Uyên - huyện Tân Uyên
112	UBND xã Thân Thuộc - huyện Tân Uyên
113	UBND xã Phúc Khoa - huyện Tân Uyên
114	UBND thị trấn Tam Đường - huyện Tam Đường
115	UBND xã Sơn Bình - huyện Tam Đường
116	UBND xã Bình Lư - huyện Tam Đường
117	UBND thị trấn Phong Thổ - huyện Phong Thổ
118	UBND xã Lán Nhi Thành - huyện Phong Thổ
119	UBND xã Mường So - huyện Phong Thổ
120	UBND thị trấn Sin Hồ - huyện Sin Hồ
121	UBND xã Hồng Thụ - huyện Sin Hồ
122	UBND xã Chăn Nưa - huyện Sin Hồ

123	UBND thị trấn Mường Tè - huyện Mường Tè		
124	UBND xã Bản Bo, huyện Tam Đường		
125	UBND xã Bản Hòn, huyện Tam Đường		
126	UBND xã Hồ Thầu, huyện Tam Đường		
127	UBND xã Nà Tâm, huyện Tam Đường		
128	UBND xã Thèn Sin, huyện Tam Đường		
129	UBND xã Hua Nà, huyện Than Uyên		
130	UBND xã Mường Cang, huyện Than Uyên		
131	UBND xã Mường Than, huyện Than Uyên		
132	UBND xã Mường Kim, huyện Than Uyên		
133	UBND xã Ta Gia, huyện Than Uyên		
134	UBND xã Hoàng Thèn, huyện Phong Thổ		
135	UBND xã Nậm Xe, huyện Phong Thổ		
136	UBND xã Khổng Lào, huyện Phong Thổ		
137	UBND xã Ma Ly Pho, huyện Phong Thổ		
138	UBND xã Sin Súi Hồ, huyện Phong Thổ		
139	UBND xã Bum Nua, huyện Mường Tè		
140	UBND xã Pa Vệ Sứ, huyện Mường Tè		
141	UBND xã Vàng San, huyện Mường Tè		
142	UBND xã Kan Hồ, huyện Mường Tè		
143	UBND xã Mường Tè, huyện Mường Tè		
144	UBND xã Làng Mô, huyện Sìn Hồ		

Phụ lục II
THÀNH PHẦN HỒ SƠ, TÀI LIỆU KÈM CHUNG
 (Kèm Kế hoạch số 1546/KH-UBND ngày 04/10/2018 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Lai Châu)



TT	Thành phần hồ sơ, tài liệu	Bản scan	File word nén
01	Chính sách chất lượng	X	
02	Quyết định ban hành bộ tài liệu HTQLCL	X	
03	Quyết định công bố HTQLCL phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001, bản công bố và Thông báo công bố HTQLCL	X	
04	Báo cáo thực hiện mục tiêu chất lượng năm 2017	X	
05	Mục tiêu chất lượng và kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng năm 2017, 2018 của cơ quan, đơn vị (kể cả các phòng, ban, đơn vị trực thuộc)	X	
06	- Hồ sơ đánh giá nội bộ năm 2017, 2018 - Kế hoạch, chương trình đánh giá nội bộ. - Phiếu ghi chép của chuyên gia đánh giá - Báo cáo kết quả đánh giá nội bộ.	X	
07	- Hồ sơ họp xem xét của lãnh đạo năm 2017, 2018 - Thông báo họp xem xét của lãnh đạo - Biên bản họp xem xét của lãnh đạo	X	
08	Kế hoạch duy trì, cải tiến áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2008 hàng năm	X	
09	Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo (đối với đơn vị áp dụng lần đầu); Quyết định kiện toàn Ban Chỉ đạo (đối với đơn vị có sự thay đổi về nhân sự của Ban Chỉ đạo)	X	
10	Quyết định bổ nhiệm đại diện lãnh đạo về chất lượng (QMR); Quyết định bổ nhiệm lại đại diện lãnh đạo về chất lượng (khi có sự thay đổi)	X	
11	Bộ tài liệu hệ thống quản lý chất lượng (các quy trình)		X

Phụ lục III

Đề cương Báo cáo kết quả hoạt động xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008

(Kèm Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /10/2018 tại UBND tỉnh Lai Châu)



TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BC- ...

....., ngày.....tháng năm 2018

BÁO CÁO

Hoạt động xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 năm 2018

I. Thông tin chung

- Tên cơ quan:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Fax:
- Đại diện lãnh đạo (Tên, chức vụ, điện thoại, email).
- Thư ký ISO (Tên, chức vụ, điện thoại, email).

II. Kết quả thực hiện.

I. Việc xây dựng, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 (tiêu chuẩn ISO):

a) Phạm vi áp dụng

- Số thủ tục hành chính được xây dựng và áp dụng HTQLCL:
- Số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị:
- Tổng số quy trình được xây dựng:

b) Hoạt động phổ biến, hướng dẫn áp dụng hệ thống tài liệu, quy trình giải quyết công việc cho toàn bộ cán bộ, công chức trong phạm vi xây dựng và áp dụng HTQLCL:

- Việc phân phối tài liệu HTQLCL đến phòng/đơn vị liên quan:
- Phương pháp hướng dẫn công chức, viên chức áp dụng tài liệu, quy trình giải quyết công việc

c) Sự tuân thủ của cơ quan đối với tất cả các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO, chính sách, mục tiêu, quy trình, thủ tục, các quy định có liên quan khác và các yêu cầu pháp luật liên quan:

- Ban hành và thực hiện chính sách chất lượng (CCVCLĐ có được phổ biến và thấu hiểu chính sách chất lượng của cơ quan, đơn vị)
- Báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu chất lượng năm 2017.
- Cơ quan có ban hành mục tiêu và kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng năm 2017, 2018.

- Các phòng/đơn vị có ban hành mục tiêu, kế hoạch thực hiện chất lượng năm 2017, 2018 và có phù hợp với mục tiêu chất lượng của cơ quan.

- Số quy trình bắt buộc được xây dựng. (có xây dựng đủ 6 quy trình: kiểm soát tài liệu, kiểm soát hồ sơ, đánh giá nội bộ, kiểm soát sản phẩm không phù hợp, hành động khắc phục, hành động phòng ngừa)

- Số quy trình nội bộ được xây dựng.

- Công tác kiểm soát tài liệu tại đơn vị (tài liệu bên ngoài, tài liệu nội bộ)

- Công tác kiểm soát hồ sơ tại đơn vị.

- Tiến hành đo lường sự thỏa mãn của khách hàng năm 2018 (Cơ quan đã tổ chức/hay có kế hoạch lấy ý kiến sự hài lòng của các tổ chức, công dân). Hình thức, kết quả thực hiện.

d) Việc thực hiện các quá trình giải quyết công việc và các quá trình được xác định trong HTQLCL.

- Thực tế các quá trình giải quyết công việc có tuân theo các quá trình được xác định trong HTQLCL; lý do không tuân thủ (nếu có).

- Bao nhiêu quá trình giải quyết thủ tục hành chính có thời gian giải quyết được xác định trong HTQLCL rút ngắn hơn so với quy định; thực tế thực hiện.

đ) Hoạt động đánh giá nội bộ năm 2017, 2018 (số lần, thời gian thực hiện đánh giá nội bộ năm 2017, 2018)

e) Hoạt động xem xét của lãnh đạo (số lần, thời gian thực hiện xem xét của lãnh đạo năm 2017, 2018)

f) Thực hiện hành động khắc phục các điểm không phù hợp? (Số điểm không phù hợp được phát hiện năm 2017, 2018? số điểm chưa được khắc phục, lý do)

e) Hoạt động xử lý các khiếu nại liên quan đến lĩnh vực áp dụng HTQLCL. (nếu có)

g) Hoạt động cải tiến: Số quy trình/ thủ tục được soát xét, sửa đổi, bổ sung.

h) Tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn/trễ hạn (Thống kê năm 2017 và 09 tháng đầu năm 2018)

2. Việc tuân thủ theo các quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg. ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn ISO vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước:

a) Bảo đảm sự tham gia của Lãnh đạo, các đơn vị và cá nhân có liên quan trong quá trình xây dựng và áp dụng HTQLCL.

b) Người đứng đầu cơ quan xác nhận hiệu lực của HTQLCL (Quyết định ban hành tài liệu HTQLCL)

c) Việc công bố HTQLCL phù hợp tiêu chuẩn ISO.

- Ngày, tháng, năm công bố.

- Có thông báo bằng văn bản đến Sở Khoa học và Công nghệ để theo dõi, tổng hợp không?

- Có niêm yết tại trụ sở cơ quan và đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan

d) Việc cập nhật các thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào HTQLCL.

- Văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động xử lý công việc được thay đổi, bổ sung (số lượng, danh mục văn bản pháp luật thay đổi, bổ sung)

- Số quy trình/thủ tục được chỉnh sửa, bổ sung để phù hợp với thay đổi của văn bản pháp luật liên quan.

- Số quy trình/thủ tục chưa được chỉnh sửa, bổ sung để phù hợp với thay đổi của văn bản pháp luật liên quan; lý do chưa sửa đổi bổ sung.

đ) Việc công bố lại khi có sự điều chỉnh, mở rộng, thu hẹp phạm vi áp dụng HTQLCL.

- Ngày, tháng, năm công bố lại (nếu có)

- Lý do công bố lại (điều chỉnh, mở rộng hay thu hẹp phạm vi áp dụng HTQLCL)

III. Đánh giá tình hình thực hiện

1. Nhận xét, đánh giá hiệu quả việc áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn ISO tại cơ quan.

- Việc thực hiện các quá trình giải quyết thủ tục hành chính tại cơ quan, đơn vị.

- Việc rà soát, cập nhật danh mục tài liệu có nguồn gốc bên ngoài.

- Phạm vi áp dụng bao gồm toàn bộ hoạt động liên quan đến thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị.

- Công việc quản lý, điều hành của lãnh đạo, các phòng chuyên môn.

- Việc đo lường sự thỏa mãn của khách hàng.

- Gắn kết với việc thực hiện quy chế “một cửa”, “một cửa liên thông”:

2. Những thuận lợi, khó khăn và vấn đề tồn tại trong việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo tiêu chuẩn ISO tại cơ quan:

- Thuận lợi.

- Hạn chế, tồn tại.

- Nguyên nhân.

IV. Tình hình sử dụng kinh phí duy trì năm 2018.

V. Đề xuất, kiến nghị: (Nếu có)

VI. Thành phần tài liệu, hồ sơ gửi kiểm chứng (đã được gửi qua địa chỉ email:

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008./.

Nơi nhận:

- Sở KH&CN;

- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ